

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35KT1 N ấ n h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 121T164212001 - Th tr ấ ng ch ấ ng kho ấ n H c km : HK01

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 50.00%	ấ I M THI	QUY TS : 50.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3542010491	35KT1	Phan V ấ Công	25/05/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	3542010563	35KT1	Tr n Th M Chung	16/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3542010132	35KT1	Tr ấ ng Th Kim Dung	29/03/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3542010224	35KT1	T Gia H ấ n	05/03/1992				5.0			5.0	2.5	2.5	1.3	3.8	
5	3542010161	35KT1	Nguy n Th Hoa	12/11/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	3542010280	35KT1	Tr ấ ng B ấ H c	00/ /1992				5.0			5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
7	3542010581	35KT1	ấ ấ Ph ấ ng Lan	28/10/1993				6.0			6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
8	3542010259	35KT1	L ấ Th L	13/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	3542010128	35KT1	Tr n Th Nguy t	04/03/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3542010189	35KT1	Nguy n Tr ấ ng Nhân	29/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	3440000043	35KT1	D ấ ng Minh Nh t	24/10/1995				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
12	3542010107	35KT1	Tr ấ ng Th B ấ ch Nh	06/05/1991				7.0			7.0	3.5	4.5	2.3	5.8	
13	3542010116	35KT1	Hà Thanh Tâm	14/11/1991				5.0			5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
14	3542010038	35KT1	Ti ấ u Th Thanh Th o	10/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	3542010175	35KT1	Ngô Minh Tho i	30/05/1993				5.0			5.0	2.5	4.5	2.3	4.8	
16	3542010111	35KT1	Nguy n Xu ấ n Tri u	26/08/1993				7.0			7.0	3.5	3.5	1.8	5.3	

T ấ ng s : 16 h c sinh sinh vi ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ấ ng Khoa Gi ấ o Vi ấ n B M ấ n Gi ấ o V Khoa